

Số: 1863 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 11 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/04/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1716/SNN-CCPTNT ngày 18/7/2022, Sở Tài chính tại Tờ trình số 480/TTr-STC ngày 05/10/2022 về việc đề nghị phê duyệt địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định (chi tiết theo phụ lục kèm theo), gồm:

- Đối với cây trồng (cây lúa): 149 xã, thị trấn;
- Đối với vật nuôi (lợn): 145 xã, thị trấn.

Điều 2. Các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm nông nghiệp thuộc địa bàn tại Điều 1 của Quyết định này được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP; Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Hội nông dân tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Như Điều 3;
- Báo Nam Định, Đài PTTH Nam Định;
- Công TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP6.

(Đề b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

Phụ lục
ĐỊA BÀN THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÍ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____/10/2022 của UBND tỉnh Nam Định)

TT	Huyện/TP	Đối với cây trồng (cây lúa)		Đối với vật nuôi (Lợn)	
		Tổng	Xã, thị trấn	Tổng	Xã, thị trấn
1	TP. Nam Định	05	Nam Vân, Nam Phong, Lộc An, Lộc Hòa và Mỹ Xá	05	Nam Vân, Nam Phong, Lộc An, Lộc Hòa và Mỹ Xá
2	Mỹ Lộc	03	Mỹ Hưng, Mỹ Thành và Mỹ Thuận	03	Mỹ Hà, Mỹ Tiến và Mỹ Thịnh
3	Ý Yên	16	Yên Thọ, Yên Chính, Yên Khánh, Yên Tân, Yên Lợi, Yên Mỹ, Yên Quang, Yên Khang, Yên Đồng, Yên Nhân, Yên Thắng, Yên Cường, Yên Lộc, Yên Phú, Yên Phong, Yên Hưng	10	Yên Thọ, Yên Chính, Yên Khánh, Yên Tân, Yên Lợi, Yên Khang, Yên Đồng, Yên Nhân, Yên Cường, Yên Phong.
4	Vụ Bản	18	Minh Thuận, Tân Khánh, Hiên Khánh, Hợp Hưng, Minh Tân, Cộng Hòa, Trung Thành, Quang Trung, Đại An, Kim Thái, Tam Thanh, Vĩnh Hào, Liên Minh, Liên Bảo, Đại Thắng, Thành Lợi, Tân Thành và thị trấn Gôi	17	Minh Thuận, Tân Khánh, Hiên Khánh, Hợp Hưng, Minh Tân, Cộng Hòa, Trung Thành, Quang Trung, Đại An, Kim Thái, Tam Thanh, Vĩnh Hào, Liên Minh, Liên Bảo, Đại Thắng, Thành Lợi và Tân Thành
5	Nam Trực	02	Đồng Sơn và Nam Tiến	02	Nam Thắng và Nam Dương
6	Trực Ninh	21	Thị trấn Cổ Lễ, thị trấn Cát Thành và 19 xã (Trực Thắng, Trực Đại, Trực Thái, Trực Cường, Trực Phú, Trực Hùng, Trực Nội, Trực Hưng, Trực Khang, Trực Mỹ, Trực Thuận, Trực Thanh, Trực Đạo, Trực Tuấn, Phương Định, Trung Đông, Trực Chính, Liêm Hải, Việt Hùng)	21	Thị trấn Cổ Lễ, thị trấn Cát Thành và 19 xã (Trực Thắng, Trực Đại, Trực Thái, Trực Cường, Trực Phú, Trực Hùng, Trực Nội, Trực Hưng, Trực Khang, Trực Mỹ, Trực Thuận, Trực Thanh, Trực Đạo, Trực Tuấn, Phương Định, Trung Đông, Trực Chính, Liêm Hải, Việt Hùng)
7	Xuân Trường	07	Xuân Thượng, Thọ Nghiệp, Xuân Đài, Thị trấn Xuân Trường, Xuân Trung, Xuân Vinh và Xuân Ninh	08	Thọ Nghiệp, Xuân Đài, Thị trấn Xuân Trường, Xuân Trung, Xuân Vinh, Xuân Ninh, Xuân Ngọc và Xuân Châu

8	Giao Thủy	21	Giao Thiện, Giao An, Giao Thanh, Giao Hương, Giao Lạc, Hồng Thuận, Giao Xuân, Giao Hải, Giao Long, Giao Châu, Giao Yên, Bạch Long, Giao Nhân, Giao Hà, Bình Hòa, TT. Ngô Đồng, Hoành Sơn, Giao Tiến, Giao Tân, Giao Thịnh, Giao Phong,	21	Giao Thiện, Giao An, Giao Thanh, Giao Hương, Giao Lạc, Hồng Thuận, Giao Xuân, Giao Hải, Giao Long, Giao Châu, Giao Yên, Bạch Long, Giao Nhân, Giao Hà, Bình Hòa, Hoành Sơn, Giao Tiến, Giao Tân, Giao Thịnh, Giao Phong, Quất Lâm.
9	Hải Hậu	32	Hải Vân, Hải Nam, Hải Hưng, Hải Thanh, Hải Hà, Hải Phúc, Hải Lộc, Hải Đông, Hải Tây, Hải Quang, Hải Lý, Hải Bắc, Hải Trung, Hải Anh, Hải Minh, Hải Xuân, Hải Long, Hải Sơn, Hải Tân, Hải Phương, Hải Đường, Hải Phong, Hải An, Hải Ninh, Hải Giang, Hải Châu, Hải Hòa, Hải Phú, Hải Cường, TT. Yên Định, TT. Thịnh Long, TT. Cồn .	34	Hải Vân, Hải Nam, Hải Hưng, Hải Thanh, Hải Hà, Hải Phúc, Hải Lộc, Hải Đông, Hải Tây, Hải Quang, Hải Lý, Hải Bắc, Hải Trung, Hải Anh, Hải Minh, Hải Xuân, Hải Chính, Hải Triều, Hải Long, Hải Sơn, Hải Tân, Hải Phương, Hải Đường, Hải Phong, Hải An, Hải Ninh, Hải Giang, Hải Châu, Hải Hòa, Hải Phú, Hải Cường, TT. Yên Định, TT. Thịnh Long, TT. Cồn.
10	Nghĩa Hưng	24	3 thị trấn (Liễu Đề, Rạng Đông, Quỳ Nhất) và 22 xã (Nghĩa Đồng, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Minh, Hoàng Nam, Nghĩa Châu, Nghĩa Thái, Nghĩa Trung, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lạc, Nghĩa Hồng, Nghĩa Phong, Nghĩa Phú, Nghĩa Bình, Nghĩa Tân, Nghĩa Thành, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hùng, Nghĩa Hải, Phúc Thắng, Nghĩa Lợi, Nam Điền).	24	3 thị trấn (Liễu Đề, Rạng Đông, Quỳ Nhất) và 22 xã (Nghĩa Đồng, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Minh, Hoàng Nam, Nghĩa Châu, Nghĩa Thái, Nghĩa Trung, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lạc, Nghĩa Hồng, Nghĩa Phong, Nghĩa Phú, Nghĩa Bình, Nghĩa Tân, Nghĩa Thành, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hùng, Nghĩa Hải, Phúc Thắng, Nghĩa Lợi, Nam Điền).
Tổng		149		145	